B˛ GIAO THĎNG VẍN Tü I
TRh` NG CAO ņạNG GTVT III

C˛ NG HďA Xë H˛ I CH˛ NGHĮA VI˝ T NAM
ņ¸ c lďp - T˛ do - HŭNh ph¼c

Bü NG ņIqM H˝ C PHĐN - MĎN THê NH PHĐN

Kh·a h` c :
L¸ p h` c : 36CXD4
Nłm h` c : 2012-2013
ņVHT : 2 (30,0,0,0,0,0)
H˝ ņT :
H` c phĘn : 122067200803 - VƐ k: thuđt x©y d˛ ng
H` c kỡ : HK02

STT	Më S´	L˝ P SV	H˝ Vê TạN		NGÀY SINH	ņIqM THê NH PHĐN						TBC	QUY TBP: 30.00%	ņIqM THI	QUY TS : 70.00%	ņIqM TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671030818	36CXD4	Nguy˛ n VŁn	Anh	23/03/1994				10.0			10.0	3.0	8.1	5.7	8.7	
2	3671030781	36CXD4	Nguy˛ n VŁn	CĘu	11/06/1994				7.3			7.3	2.2	3.5	2.5	4.6	
3	3671030784	36CXD4	Lê Bá	Cề ng	01/07/1994				7.0			7.0	2.1	6.0	4.2	6.3	
4	3671030823	36CXD4	TrĘn Ho¨ng Tr²	Cề ng	01/12/1994				9.1			9.1	2.7	6.2	4.3	7.1	
5	3671030804	36CXD4	Lềhng Ng` c	Chí	15/01/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N˚ HPCT
6	3671030761	36CXD4	Huỡnh Thanh	Chúc	10/01/1994				7.2			7.2	2.2	4.1	2.9	5.0	
7	3671030788	36CXD4	Nguy˛ n C¹ ng	Duy	08/05/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N˚ HPCT
8	3671030502	36CXD4	Nguy˛ n Qu´ c	Duy	07/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N˚ HPCT
9	3671030899	36CXD4	Lê Anh	DÌ ng	09/09/1994				4.1			4.1	1.2	4.5	3.2	4.4	
10	3671030852	36CXD4	Nguy˛ n TrĘn	ņ Üi	01/11/1993				7.4			7.4	2.2	5.4	3.8	6.0	
11	3671030847	36CXD4	Hoàng Minh	ņ¨ c	20/02/1993				7.8			7.8	2.3	9.5	6.7	9.0	
12	3671030902	36CXD4	Nguy˛ n Anh	ņ¨ c	14/10/1994				7.7			7.7	2.3	5.8	4.1	6.4	
13	3671030766	36CXD4	Huỡnh Tam	Giang	27/08/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N˚ HPCT
14	3671030786	36CXD4	Lê Xuân	HiЉu	09/02/1992				3.5			3.5	1.1	5.8	4.1	5.1	
15	3671030861	36CXD4	Nguy˛ n Ng` c	HiЉu	12/10/1993				6.1			6.1	1.8	4.5	3.2	5.0	
16	3671032008	36CXD4	Nguy˛ n Thanh KhĮi	Hoàng	26/02/1994				8.8			8.8	2.6	6.4	4.5	7.1	
17	3671030896	36CXD4	Võ Minh	Hoàng	02/09/1994				9.3			9.3	2.8	5.9	4.1	6.9	
18	3671030798	36CXD4	Nguy˛ n Th§i	Hòa	17/02/1991				2.9			2.9	0.9	2.0	1.4	2.3	
19	3671030866	36CXD4	H˚ ņo¨n Qu´ c	Huy	26/04/1994				2.0			2.0	0.6	3.2	2.2	2.8	

B GIAO THǑNG Vẍ N Tü I
TRh` NG CAO ņ϶NG GTVT III

C NG HďA Xë H I CH NGHĮA VI T NAM
ņ c lđp - T do - HŰnh ph¼c

Bü NG ņIqM H C PHĸıN - MǑN THê NH PHĸıN

Kh·a h c :
L p h c : 36CXD4
NĿm h c : 2012-2013
ņVHT : 2 (30,0,0,0,0,0)

H ņT :
H c phŀn : 122067200803 - VƐ k: thuđt x©y d ng
H c kϐ : HK02

STT	Më S	L P SV	H Vê TąN		NGÀY SINH	ņIqM THê NH PHĸıN L1	L2	L3	L4	L5	L6	TBC	QUY TSP: 30.00%	ņIqM THI	QUY TS : 70.00%	ņIqM TK	GHI CHÚ
20	3671030762	36CXD4	Trŀn VĿn	HƠng	11/08/1993				8.1			8.1	2.4	6.3	4.4	6.8	
21	3671030895	36CXD4	Nguy n Quang Kϐ	Ki t	13/06/1994				9.6			9.6	2.9	6.5	4.6	7.4	
22	3671030846	36CXD4	Nguy n ViĴt	L c	24/09/1994				9.2			9.2	2.8	7.3	5.1	7.9	
23	3671030756	36CXD4	V» VĿn	MĴn	06/10/1994				8.3			8.3	2.5	5.1	3.6	6.1	
24	3671031603	36CXD4	TrƠng Cao	Minh	11/12/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
25	3671030882	36CXD4	PhŰm TrŀnTh¨nh	Nam	30/09/1994				7.2			7.2	2.2	3.5	2.5	4.6	
26	3671030887	36CXD4	Nguy n VĿn	Ngoan	17/04/1994				2.3			2.3	0.7	1.9	1.3	2.0	
27	3671030752	36CXD4	Phan Phong	Nhã	05/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
28	3671030840	36CXD4	L° Tr ng	Nhân	14/05/1994				6.3			6.3	1.9	3.4	2.4	4.3	
29	3671030735	36CXD4	Nguy n VĿn	Phát	10/08/1994				5.8			5.8	1.7	4.9	3.4	5.2	
30	3671031870	36CXD4	Nguy n Thanh	Phong	07/01/1994				7.6			7.6	2.3	3.4	2.4	4.7	
31	3671030862	36CXD4	Nguy n Ho¨ng	Phú	29/01/1994				7.4			7.4	2.2	4.0	2.8	5.0	
32	3671031952	36CXD4	Lê Duy	PhƠng	12/09/1994				7.2			7.2	2.2	3.5	2.5	4.6	
33	3671030879	36CXD4	Nguy n Vąnh	PhƠng	20/01/1993				5.2			5.2	1.6	5.9	4.1	5.7	
34	3671030729	36CXD4	Nguy n Minh	Quang	23/06/1994				7.6			7.6	2.3	7.5	5.3	7.5	
35	3671030758	36CXD4	Th Quang	Rim	15/10/1993				6.3			6.3	1.9	4.9	3.4	5.3	
36	3671030807	36CXD4	Bùi Thanh	Sang	14/03/1994				4.3			4.3	1.3	1.4	1.0	2.3	
37	3671030789	36CXD4	Nguy n Ng c	Tài	19/07/1994				6.3			6.3	1.9	3.4	2.4	4.3	
38	3671030727	36CXD4	Huϐnh VĿn	Tâm	17/09/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT

B˛ GIAO THĎNG Vx N Tü I
TRh` NG CAO ŋ ъNG GTVT III

C˛ NG HďA Xë H˛ I CH˛ NGHĢA VI˝ T NAM
ŋ˛ c lđp - T˛ do - HŰnh ph¼c

Bü NG ŋ IqM H˝ C PHьïN - MĎN THê NH PHьïN

Kh· a h` c :
L˛ p h` c : 36CXD4
NŁm h` c : 2012-2013
ŋ VHT : 2 (30,0,0,0,0,0)
H˝ ŋ T :
H` c phŖn : 122067200803 - VƐ k: thuđt x©y d˛ ng
H` c kȢ : HK02

STT	Më S´	L˝ P SV	H˜ Vê Tạ N		NGÀY SINH	ŋ IqM THê NH PHьïN						TBC	QUY TSP: 30.00%	ŋ IqM THI	QUY TS : 70.00%	ŋ IqM TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671030875	36CXD4	L° H˛ u	Tâm	24/02/1994				9.0			9.0	2.7	6.7	4.7	7.4	
40	3671030836	36CXD4	ŋ Hąg Th¨nh	Tân	21/01/1994				5.0			5.0	1.5	7.4	5.2	6.7	
41	3671030802	36CXD4	Nguy˛ n VŁn	Tiên	08/05/1993				6.3			6.3	1.9	1.1	0.8	2.7	
42	3671030799	36CXD4	Nguy˛ n PhŰm Minh	TiЈn	23/04/1994				6.3			6.3	1.9	3.1	2.2	4.1	
43	3671030868	36CXD4	Lý Chánh	Tín	26/03/1994				8.2			8.2	2.5	6.8	4.8	7.2	
44	3671032050	36CXD4	Nguy˛ n ŋ˛ c	Tính	29/07/1994				9.0			9.0	2.7	6.3	4.4	7.1	
45	3671030893	36CXD4	Ng¹ BĮo	Toàn	28/05/1991				7.2			7.2	2.2	8.2	5.7	7.9	
46	3671030774	36CXD4	Nguy˛ n ŋ˛ c	Toàn	07/08/1992				3.0			3.0	0.9	4.5	3.2	4.1	
47	3671030821	36CXD4	Ąu D·Ơng	TuĤn	12/08/1994				2.0			2.0	0.6	4.6	3.2	3.8	
48	3671030876	36CXD4	Thđp VŁn	TuyǪn	20/03/1992				4.1			4.1	1.2	5.7	4.0	5.2	N˚ HP
49	3671030734	36CXD4	ŋ o¨n Thanh	Tú	16/01/1993				6.3			6.3	1.9	3.6	2.5	4.4	
50	3671030772	36CXD4	TrŖn VŁn	Thao	06/12/1993				8.9			8.9	2.7	4.5	3.2	5.8	
51	3671030777	36CXD4	Nguy˛ n Ch·Ơng	Thđng	18/05/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N˚ HPCT
52	3671030870	36CXD4	TrŖn VŁn	Th˙nh	25/01/1994				3.6			3.6	1.1	3.3	2.3	3.4	
53	3671030792	36CXD4	TrŖn ThЈ	Th·Ơng	19/03/1994				6.7			6.7	2.0	4.6	3.2	5.2	
54	3671030873	36CXD4	Ng¹ VŁn	Trung	07/11/1994				5.7			5.7	1.7	4.6	3.2	4.9	
55	3671030730	36CXD4	Nguy˛ n ThЈ	Vǫnh	04/03/1994				6.5			6.5	2.0	6.6	4.6	6.6	

Tˆ ng s´ : 55 h` c sinh sinh vi°n

Tp.HCM, ngày ..... / ...... / ....

Tr·Ế ng Khoa	**Gi§o Vi°n B¸ M¹ n**	**Gi§o V¹ Khoa**